

DSSV CHƯƠNG TRÌNH ĐỀ ÁN KHOA HÓA HỌC NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH (CHÍNH THỨC)
HỌC KỲ 3, NĂM HỌC 2024-2025

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK3/24- 25	XL HT HK3/24- 25	XL ĐRL HK3/24- 25	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	NGÀNH
1	21146009	Dương Ngọc Trà	16	16	9,35	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	23.936.000		23.936.000	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	Hóa VP
2	21147017	Phan Nguyễn Thanh Nhã	10	10	9,5	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	20.262.000		20.262.000	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	Hóa học
3	21147027	Đoàn Võ Nhật Anh	10	10	9,3	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	20.262.000		20.262.000	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	Hóa học
4	21147052	Hứa Mẫn Linh	10	10	9,3	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	20.262.000		20.262.000	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	Hóa học
5	21147056	Võ Nguyễn Nhật Minh	10	10	9,6	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	20.262.000		20.262.000	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	Hóa học
6	21147153	Tôn Nguyễn Phượng Như	10	10	9,8	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	20.262.000		20.262.000	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	Hóa học
7	21147178	Nguyễn Phan Thảo Vy	10	10	9,3	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.104.000		22.104.000	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	Hóa học
8	21147190	Phạm Thùy Như	10	10	9,8	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.104.000		22.104.000	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	Hóa học
9	21247113	Nguyễn Phan Hồng Thảo	10	10	9,9	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.016.000		23.016.000	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CNKT Hóa
10	21247172	Nguyễn Thái Hòa	10	10	9,9	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.016.000		23.016.000	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CNKT Hóa
11	21247185	Trần Chí Lập	10	10	9,8	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.016.000		23.016.000	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CNKT Hóa

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK3/24- 25	XL HT HK3/24- 25	XL ĐRL HK3/24- 25	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	NGÀNH
12	21247196	Trần Hải Minh	15	10	9,9	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.016.000		23.016.000	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CNKT Hóa
13	21247232	Tôn Huỳnh Phương Tâm	10	10	9,9	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.016.000		23.016.000	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CNKT Hóa
14	22147016	Võ Nguyễn Phương Anh	14	14	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.540.760		23.540.760		Hóa học
15	22147025	Huỳnh Hoàng Diệu	10	10	9,22	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.588.640		14.588.640		Hóa học
16	22147118	Nguyễn Phúc Tài	12	12	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.998.800		20.998.800		Hóa học
17	22147141	Nguyễn Thiện Trí	10	10	9,32	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.588.640		14.588.640		Hóa học
18	22247027	Phan Hồng Gấm	16	16	9,01	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	28.798.770		28.798.770		CNKT Hóa
19	22247074	Huỳnh Thị Hồng Ngọc	14	14	9	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	29.589.890		29.589.890		CNKT Hóa
20	22247119	Nguyễn Đức Thịnh	14	14	9,11	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	32.279.880		32.279.880		CNKT Hóa
21	22247144	Nguyễn Thành Vinh	14	14	9,15	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	32.279.880		32.279.880		CNKT Hóa
22	23147001	Nguyễn Bá Quốc Khánh	13	11	9,01	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	26.193.240	10.913.850	15.279.390	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	Hóa học
23	23147036	Phan Tấn Thành	13	11	9,03	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	26.193.240		26.193.240		Hóa học
24	23147115	Phan Thủy Trúc	13	11	9,19	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	26.193.240		26.193.240		Hóa học
25	23247004	Trần Gia Bảo	14	12	9,08	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	26.813.640		26.813.640		CNKT Hóa
26	23247021	Tăng Vĩ Kiện	14	12	8,9	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	24.579.170		24.579.170		CNKT Hóa
27	23247029	Nguyễn Ngọc Phương Thùy	14	12	9,03	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	26.813.640		26.813.640		CNKT Hóa
28	24147001	Phạm Duy An	16	14	9,12	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.306.720	7.627.800	10.678.920	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	Hóa học
29	24147003	Vũ Hoàng Minh	16	14	9,24	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.306.720		18.306.720		Hóa học
30	24147013	Phạm Ngọc Bảo	16	14	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.306.720		18.306.720		Hóa học
31	24147018	Hồ Mai Phương	16	14	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.306.720		18.306.720		Hóa học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK3/24- 25	XL HT HK3/24- 25	XL ĐRL HK3/24- 25	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	NGÀNH
32	24147020	Đinh Ngọc Quý	16	14	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.306.720		18.306.720		Hóa học
33	24147112	Lương Trần Tố Quyên	16	14	9,16	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.306.720	7.627.800	10.678.920	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	Hóa học
34	24247012	Trần Đức Thịnh	14	12	8,93	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	13.362.140		13.362.140		CNKT Hóa
35	24247017	Trần Nguyễn Uyên Vi	14	12	9,17	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.576.880		14.576.880		CNKT Hóa
36	24247028	Đặng Minh Triết	14	12	8,91	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	13.362.140		13.362.140		CNKT Hóa
37	24247049	Hồ Gia Bảo	14	12	9,03	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.576.880		14.576.880		CNKT Hóa
38	24247087	Huỳnh Phước Lộc	14	12	8,98	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	13.362.140		13.362.140		CNKT Hóa
39	24247118	Nguyễn Quốc Thành	14	12	8,91	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	13.362.140		13.362.140		CNKT Hóa
40	24247125	Vũ Minh Thy	14	12	8,93	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	13.362.140		13.362.140		CNKT Hóa